

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 09/2003/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn lập dự toán quản lý, sửa chữa đường sông

Căn cứ Quyết định số 1809/1998/QĐ-BGTVT ngày 19/7/1998 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật sửa chữa thường xuyên đường sông và Thông tư liên tịch số 57/2001/BTC-BGTVT ngày 10/7/2001 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Tài chính về chế độ quản lý, cấp phát và thanh quyết toán vốn sự nghiệp kinh tế đường sông;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ quy định về Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/1/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ; các Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, quản lý chi phí xây dựng công trình và các chi phí khác của các công trình xây dựng cơ bản;

Căn cứ văn bản số 153/LĐT BXH-TL ngày 17/1/2000 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về bổ sung chế độ ăn giữa ca cho công nhân viên chức làm công tác quản lý đường sông;

Sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 1821/BXD-VKT ngày 11/10/2001 về việc thống nhất cách lập dự toán đối với công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên đường sông; Văn bản số 1868/BXD-VKT ngày 18/10/2001 bổ sung giá ca máy chuyên ngành đường sông; và ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính tại Văn bản số 7540/TC-HCSN ngày 10/7/2002;

Để tăng cường công tác quản lý chi phí đối với công tác quản lý và sửa chữa đường sông, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn lập dự toán quản lý và sửa chữa đường sông như sau:

I. PHÂN LOẠI CÔNG TÁC SỬA CHỮA ĐƯỜNG SÔNG

1. Sửa chữa thường xuyên đường sông, bao gồm:

- Quản lý duy tu, bảo dưỡng thường xuyên đường sông;
- Khảo sát theo dõi biến biến phục vụ quản lý đường sông;
- Sửa chữa nhỏ phao tiêu, báo hiệu, tín hiệu, các thiết bị, nhà cửa, các công trình chỉnh trị trên tuyến giao thông đường sông đang quản lý khai thác.

2. Sửa chữa không thường xuyên đường sông, bao gồm:

- Nạo vét luồng lạch;
- Sửa chữa lớn các hệ thống kè, công trình chỉnh trị, trụ đèn;
- Sửa chữa lớn, cải tạo nâng cấp nhà đoạn, trạm, phương tiện, thiết bị;
- Mua sắm phương tiện, thiết bị, các hệ thống thông tin, báo hiệu, tín hiệu;
- Trục vớt, thanh thải chướng ngại vật dưới lòng sông.

3. Các loại sửa chữa đường sông khác:

Bao gồm sửa chữa đột xuất khắc phục hậu quả thiên tai hoặc các nguyên nhân khác để đảm bảo giao thông và các loại công tác khác được ghi trong mục 1.3 Phần II Thông tư liên tịch số 57/2001/TTLT/BTC-BGTVT ngày 10/7/2001 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải.

Thông tư này hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán cho hai loại công tác sửa chữa thường xuyên và không thường xuyên đường sông. Các công tác khác tùy theo tính chất công việc để áp dụng phù hợp theo các chế độ, chính sách quy định hiện hành của Nhà nước.

II. NỘI DUNG CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG DỰ TOÁN

1. Công tác sửa chữa thường xuyên đường sông:

1.1. Chi phí trực tiếp:

1.1.1. Chi phí vật liệu (VL): bao gồm vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu luân chuyển tính theo giá vật liệu do các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành và các

văn bản hướng dẫn điều chỉnh giá khu vực đến chân công trình. Giá vật liệu, thiết bị là giá của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu có tư cách pháp nhân đầy đủ và phù hợp với mặt bằng giá tại thời điểm mua. Đối với vật liệu, thiết bị do Nhà nước quản lý giá thì căn cứ vào đơn giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp vật liệu không có trong thông báo giá, thì chủ đầu tư và các đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán căn cứ vào các loại hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính và phù hợp với mặt bằng giá tại thời điểm để lập dự toán.

Khối lượng vật liệu, thiết bị tính theo định mức ban hành kèm theo Quyết định số 1809/QĐ-BGTVT ngày 19/7/1998 của Bộ Giao thông vận tải.

1.1.2. Chi phí nhân công (NC): bao gồm tiền lương cơ bản tính theo bảng lương A6 - nhóm II ban hành kèm theo Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ và các khoản phụ cấp theo chế độ hiện hành của Nhà nước. Định mức nhân công áp dụng định mức ban hành kèm theo Quyết định số 1809/1998/QĐ-BGTVT ngày 19/7/1998 của Bộ Giao thông vận tải.

Đối với công tác khảo sát theo dõi diễn biến phục vụ quản lý luồng áp dụng đơn giá nhân công bậc 4 như trong công tác quản lý duy tu thường xuyên đường sông, chi phí nhân công di chuyển đi và về tính theo thực tế.

1.1.3. Chi phí máy thi công (M): đơn giá ca máy tính theo bảng giá ca máy tại Quyết định số 1260/1998/QĐ-BXD ngày 28/11/1998 của Bộ Xây dựng. Đối với ca máy chuyên ngành (không có danh mục trong bảng giá ca máy tại Quyết định số 1260/1998/QĐ-BXD hoặc có nhưng không phù hợp) thì đơn giá ca máy áp dụng bảng giá ca máy tại Văn bản số 1868/BXD-VKT ngày 18/10/2001 của Bộ Xây dựng.

Đối với các đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ trực tiếp thì đơn giá ca máy phải trừ chi phí khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích được giao nhiệm vụ trực tiếp hoặc nhận thầu từ chủ đầu tư thì đơn giá ca máy được tính đầy đủ theo đơn giá ca máy hiện hành.